Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9001.50.00

Mã HS	9001.50.00
Mô tả hàng hóa	Sợi quang và bó sợi quang; cáp sợi quang trừ các loại thuộc nhóm 85.44; vật liệu phân cực dạng tấm và lá; thấu kính (kể cả thấu kính áp tròng), lăng kính, gương và các bộ phận quang học khác, bằng vật liệu bất kỳ, chưa lắp ráp, trừ loại bằng thủy tinh chưa gia công về mặt quang học / - Thấu kính bằng vật liệu khác làm kính đeo mắt
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	09/11/2026 15:02:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90015000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17921
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17921
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17921
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-KH)	0% (trừ KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17219
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17148
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17148
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17148
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17148
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17148
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17148
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17204
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17204
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17204
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17204

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17204
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17204
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17205
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17205
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17205
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17205
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17205
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17205
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17210
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17166
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17162
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17162
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17162
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17162
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17162
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17162
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17208
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17208
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17208
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17208
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17208
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17208
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17270
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17270
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17270
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17270

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17270
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17270
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17246
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17246
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17246
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17246
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17246
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17246
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17241
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17241
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17241
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17241
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17241
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17241
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17271
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17271
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17271
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17271
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17271
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17271
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17270
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17270
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17270
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17270
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17270
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17270

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17364
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17364
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17364
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17364
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17364
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17364
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17364
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17233
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17233
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17233
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17233
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17233
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17233
RCEP B	2022	2022	0	B!D17233
RCEP B	2023	2023	0	B!E17233
RCEP B	2024	2024	0	B!F17233
RCEP B	2025	2025	0	B!G17233
RCEP B	2026	2026	0	B!H17233
RCEP B	2027	2027	0	B!I17233
RCEP C	2022	2022	0	C!D17231
RCEP C	2023	2023	0	C!E17231
RCEP C	2024	2024	0	C!F17231
RCEP C	2025	2025	0	C!G17231
RCEP C	2026	2026	0	C!H17231
RCEP C	2027	2027	0	C!I17231
RCEP D	2022	2022	0	D!D17230

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17230
RCEP D	2024	2024	0	D!F17230
RCEP D	2025	2025	0	D!G17230
RCEP D	2026	2026	0	D!H17230
RCEP D	2027	2027	0	D!I17230
RCEP E	2022	2022	0	E!D17234
RCEP E	2023	2023	0	E!E17234
RCEP E	2024	2024	0	E!F17234
RCEP E	2025	2025	0	E!G17234
RCEP E	2026	2026	0	E!H17234
RCEP E	2027	2027	0	E!I17234
RCEP F	2022	2022	0	F!D17233
RCEP F	2023	2023	0	F!E17233
RCEP F	2024	2024	0	F!F17233
RCEP F	2025	2025	0	F!G17233
RCEP F	2026	2026	0	F!H17233
RCEP F	2027	2027	0	F!I17233
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16163
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16163
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16163
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16163

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9001.50.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9001.50.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17921), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.